

**Biểu số:**

**2119.N/VH-SVHTTDL**

Ban hành theo Thông tư số  
16/2022/TT-BVHTTDL ngày  
22 tháng 12 năm 2022

Ngày nhận báo cáo: 20 tháng  
02 năm sau

**SỐ CƠ SỞ SẢN XUẤT PHIM, PHIM**

**SẢN XUẤT, PHIM NHẬP KHẨU,**

**ĐƠN VỊ CHIẾU PHIM, BUỔI**

**CHIẾU PHIM VÀ LƯỢT NGƯỜI**

**XEM**

**Năm ...**

Đơn vị báo cáo:

Sở VHTTDL, Sở VHTT

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Điện ảnh

| Chỉ tiêu                                                        | Mã số | Kế hoạch | Thực hiện |
|-----------------------------------------------------------------|-------|----------|-----------|
| A                                                               | B     | 1        | 2         |
| <b>Tổng số cơ sở sản xuất phim (Cơ sở)</b>                      | 01    |          |           |
| Cơ sở sản xuất phim thuộc Bộ, ngành, các Hội trung ương quản lý | 02    |          |           |
| Cơ sở sản xuất phim do tỉnh, thành phố quản lý                  | 03    |          |           |
| Cơ sở sản xuất phim tư nhân                                     | 04    |          |           |
| <b>Tổng số phim sản xuất (Bộ)</b>                               | 05    |          |           |
| Phim truyện điện ảnh                                            | 06    |          |           |
| Phim truyện Video                                               | 07    |          |           |
| Phim hoạt hình                                                  | 08    |          |           |
| Phim tài liệu                                                   | 09    |          |           |
| Phim khoa học                                                   | 10    |          |           |
| <b>Tổng số phim nhập khẩu (Bộ)</b>                              | 11    |          |           |
| Phim truyện điện ảnh                                            | 12    |          |           |

|                                                                   |    |  |  |
|-------------------------------------------------------------------|----|--|--|
| Phim truyện Video                                                 | 13 |  |  |
| Phim hoạt hình                                                    | 14 |  |  |
| Phim tài liệu                                                     | 15 |  |  |
| Phim khoa học                                                     | 16 |  |  |
| <b>Tổng số đơn vị chiếu phim (Cơ sở)</b>                          | 17 |  |  |
| Rạp chiếu phim (Rạp)                                              | 18 |  |  |
| Phòng chiếu phim (Phòng)                                          | 19 |  |  |
| Đội chiếu phim lưu động (Đội)                                     | 20 |  |  |
| Nhà văn hóa có chiếu phim thường xuyên (Nhà)                      | 21 |  |  |
| <b>Tổng số buổi chiếu phim (Buổi)</b>                             | 22 |  |  |
| Buổi chiếu phim Việt Nam tại rạp                                  | 23 |  |  |
| Buổi chiếu phim nước ngoài tại rạp                                | 24 |  |  |
| Buổi chiếu phim Việt Nam tại đội chiếu phim lưu động              | 25 |  |  |
| Buổi chiếu phim nước ngoài tại đội chiếu phim lưu động            | 26 |  |  |
| <b>Tổng số lượt người xem phim (1000 người)</b>                   | 27 |  |  |
| Lượt người xem phim Việt Nam tại rạp                              | 28 |  |  |
| Lượt người xem phim nước ngoài tại rạp                            | 29 |  |  |
| Lượt người xem phim Việt Nam tại đội chiếu phim lưu động          | 30 |  |  |
| Lượt người xem phim nước ngoài tại đội chiếu phim lưu động        | 31 |  |  |
| <b>Tổng số tiền ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ (1000 đ)</b> | 32 |  |  |

|                                      |    |  |  |
|--------------------------------------|----|--|--|
| Đặt hàng, tài trợ sản xuất phim      | 33 |  |  |
| Tài trợ phát hành phim và chiếu phim | 34 |  |  |

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm.....  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

HƯỚNG DẪN, GIẢI THÍCH CÁCH GHI BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ  
(Kèm theo Thông tư số: 16/2022/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**Biểu số 2119.N/VH-SVHTTDL: Số cơ sở sản xuất phim, phim sản xuất, phim nhập khẩu, đơn vị chiếu phim, buổi chiếu phim và lượt người xem**

### 1. Khái niệm, phương pháp tính

- Cơ sở sản xuất phim là đơn vị có chức năng sản xuất phim.
- Đơn vị chiếu phim là cơ sở chiếu phim điện ảnh có người chuyên trách quản lý, có kế hoạch và có chương trình chiếu phim thường xuyên và có đủ hệ thống phương tiện máy móc thiết bị kỹ thuật để chiếu phim như máy chiếu, máy phát điện và thường xuyên chiếu phim phục vụ nhân dân. Đơn vị chiếu phim gồm các rạp chiếu phim và các đội chiếu phim lưu động, không bao gồm những điểm chiếu video.
- Rạp chiếu phim là nơi dùng để chiếu phim điện ảnh (phim nhựa hoặc phim kỹ thuật số), có chỗ ngồi xem phim, có buồng đặt máy chiếu cố định, có nơi bán vé và thu tiền, có chương trình hoạt động thường xuyên, có các tiện nghi phục vụ người xem.
- Tổng số lượt người xem phim: Là tổng số lượt người xem phim tại rạp và số lượt người xem tại điểm chiếu của các đội chiếu phim lưu động trong kỳ báo cáo. Một người có thể xem phim nhiều lần trong năm báo cáo, thì mỗi lần xem phim được tính là một lượt người xem chiếu phim.

## **2. Cách ghi biểu**

a) Phạm vi thu thập số liệu:

- Thống kê toàn bộ số cơ sở sản xuất phim, số rạp chiếu phim, số đội chiếu phim lưu động có đến năm báo cáo.
- Thống kê toàn bộ số lượt người xem phim, tính theo số vé bán ra và số giấy mời (nếu có) tại rạp và số người đến xem phim tại các buổi chiếu phim lưu động trong năm báo cáo.

b) Thời kỳ thu thập số liệu: Tính từ 01/01 đến thời điểm 31/12 năm báo cáo với các chỉ tiêu thống kê trong năm báo cáo.

c) Cách ghi biểu:

- Các cột:

Cột A: Chỉ tiêu.

Cột B: Mã số.

Cột 01: Ghi số kế hoạch năm.

Cột 02: Ghi số thực hiện năm báo cáo.

- Các dòng:

Từ dòng 01 đến dòng 04: Ghi số cơ sở sản xuất phim chia theo đơn vị quản lý.

Từ dòng 05 đến dòng 10: Ghi số phim sản xuất chia theo thể loại.

Từ dòng 11 đến dòng 16: Ghi số phim nhập khẩu chia theo thể loại.

Từ dòng 17 đến dòng 21: Ghi số đơn vị chiếu phim chia theo loại hình đơn vị chiếu phim.

Từ dòng 22 đến dòng 26: Ghi số buổi chiếu phim chia theo hình thức chiếu phim.

Từ dòng 27 đến dòng 31: Ghi số lượt người xem phim chia theo hình thức chiếu phim.

Từ dòng 32 đến dòng 34: Ghi số ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ chia theo mục đích.

**3. Nguồn số liệu:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Văn hóa và Thể thao.